

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 25, ấp V, xã Vĩnh A, huyện Châu T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 05, ấp Tân Đ, xã Tân L, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2004, ông H và bà H quen biết nhau, tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Ông H và bà H đã không còn sống chung với nhau, ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông Hyêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông H và bà H có 02 người con chung tên Phạm Chấn Đ, sinh ngày 20/5/2005 và Nguyễn Quý N, sinh ngày 23/3/2015, hiện đang chung sống với bà H. Ông H đồng ý giao cho bà H được tiếp tục nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H thống nhất lời trình bày của ông H về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên ông Hyêu cầu ly hôn thì bà H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà H thống nhất lời trình bày của ông Hoàng. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2004, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2016 thì cả hai xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên đã không sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại cả ông H và bà H đều xác nhận đã không còn tình cảm với nhau và thống nhất ly hôn, tuy nhiên ông H và bà H sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên việc ông H yêu cầu ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông H và bà H thống nhất giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ông H, bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng, bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Theo lời khai của ông H và bà H thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, do đó đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn, ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H và bà H cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay không đăng ký kết hôn nên quan hệ của ông H và bà H không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông H và bà H thống nhất có 02 người con chung tên Phạm Chấn Đ, sinh ngày 20/5/2005 và Nguyễn Quý N, sinh ngày 23/3/2015, hiện đang chung sống với bà H. Ông H và bà H cùng thống nhất bà H được nuôi dạy 02 người con chung, ông H không phải không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên được công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà H cùng thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được nuôi dạy con chung Phạm Chấn Đ,

sinh ngày 20/5/2005 và Nguyễn Quý N, sinh ngày 23/3/2015. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007415 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSNĐ huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- UBND xã Tân Lập;
- UBND xã Vĩnh An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

